

GIÁ TRỊ CỦA CON CÁI ĐỐI VỚI HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH: NGHIÊN CỨU TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH^(*)

NGUYỄN NHƯ TRANG^{*}
HOÀNG VĂN DŨNG^{**}

Giá trị của con cái là một trong những thành tố trong cấu trúc hạnh phúc gia đình của người Việt. Dưới góc nhìn hạnh phúc, từ cuộc điều tra khảo sát xã hội học về xây dựng tiêu chí gia đình hạnh phúc ở TPHCM, bài viết phân tích các giá trị của con cái (giá trị về số con, về sự hiếu thảo và yêu thương đùm bọc nhau của các con, về việc con cái sống chung với cha mẹ khi về già) là một trong những thành tố trong cấu trúc hạnh phúc gia đình của người Việt. Giá trị của con cái cùng với những giá trị khác tạo nên hạnh phúc gia đình.

Từ khóa: giá trị con cái, hạnh phúc gia đình, Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày: 31/8/2022; đưa vào biên tập: 02/9/2022; phản biện: 15/9/2022; duyệt đăng: 10/10/2022

1. MỞ ĐẦU

Giá trị con cái từ lâu đã trở thành chủ đề nghiên cứu của các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Nó được tiếp cận liên ngành hoặc chuyên ngành: tâm lý học, nhân học, văn hóa, kinh tế học, dân số học và xã hội học... Mỗi quốc gia, mỗi nền văn hóa và mỗi thời đại lịch sử có những cách nhìn khác nhau về giá trị con cái. Những biến đổi giá trị đưa con thường được các nhà xã hội học và dân số học đề cập đến thông qua khái niệm “quá độ dân số” – quá trình chuyển từ mức sinh cao, mức chết cao sang mức sinh thấp, mức chết thấp, xảy ra do tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm thay đổi nhu cầu, động cơ sinh con của các cặp vợ chồng. Với các xã hội chậm phát triển hoặc đang phát triển, hệ thống an sinh xã hội chưa đầy đủ, con cái là sức mạnh, nguồn của cải của

gia đình. Con cái cung cấp sức lao động, tạo thu nhập cho kinh tế gia đình, bảo đảm cuộc sống của cha mẹ khi tuổi già. Ngược lại, ở những xã hội phát triển, an ninh kinh tế được bảo đảm, người dân được hưởng phúc lợi, an sinh xã hội tốt, giá trị kinh tế của con cái không còn quan trọng, mà nhường chỗ cho giá trị tâm lý tình cảm.

Việt Nam là một quốc gia đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những biến đổi về giá trị của con cái cũng đi theo quy luật chung của thế giới, nhưng truyền thống văn hóa vẫn tham gia đáng kể vào nhu cầu, động cơ kết hôn và hành vi sinh đẻ của các cặp vợ chồng. Trong ba thập niên gần đây, khi Nhà nước triển khai chính sách hạn chế sinh đẻ thông qua Chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình, đã có những nghiên cứu về mức sinh và giá trị con cái từ các hướng tiếp cận văn hóa và cấu trúc xã hội. Mục tiêu của các công trình khoa học này là tìm hiểu nguyên

^{*}, ^{**} Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

nhân dẫn đến mức sinh cao của các cặp vợ chồng, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, nơi các hộ gia đình sau Đổi mới (1986) trở thành đơn vị sản xuất; từ đó đề xuất các kiến nghị và giải pháp chính sách nhằm giảm thiểu mức sinh theo tiêu chí “mỗi cặp vợ chồng chỉ có 1-2 con”.

Trên thế giới, khoa học nghiên cứu về hạnh phúc đã có lịch sử phát triển hàng trăm năm với một khối lượng khổng lồ các công trình nghiên cứu liên quan đến mọi khía cạnh của cuộc sống. Ở Việt Nam, từ khi Chính phủ cam kết thực hiện Nghị quyết của Đại Hội đồng Liên hợp quốc về *Ngày Quốc tế Hạnh phúc* (2012) đã bắt đầu có những nghiên cứu đầu tiên về hạnh phúc của người Việt Nam. Tại TPHCM, “xây dựng gia đình hạnh phúc” đã được đưa vào văn kiện Đại hội Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ 2020-2025 (Ban Chấp hành Đảng bộ TPHCM, 2020: 219). Một trong những mục tiêu của Đề án của Thành phố là hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá gia đình hạnh phúc (Quyết định số 1306/QĐ-UBND) và áp dụng trong thực tiễn đời sống xã hội. Giá trị con cái không chỉ được nhìn nhận ở khía cạnh kinh tế vật chất, tâm lý tình cảm, mà còn ở cả khía cạnh đời sống tinh thần, hạnh phúc của gia đình. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiếp cận giá trị con cái từ góc nhìn còn ít được đề cập đến ở Việt Nam, xem con cái là một thành tố trong cấu trúc hạnh phúc gia đình của người Việt.

2. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM NGHIÊN CỨU VỀ GIÁ TRỊ CON CÁI

2.1. Lý thuyết “dòng chảy của cải”

Phát triển từ lý thuyết lựa chọn duy lý, lý thuyết “dòng chảy của cải” (wealth flows) của Caldwell (1976, 2006) giải thích động

cơ, mục đích, hành vi sinh đẻ của các cặp vợ chồng gắn với lợi ích kinh tế do việc sinh con mang lại. Các cặp vợ chồng muốn có nhiều con hơn nếu con cái mang lại lợi ích an sinh nhiều hơn so với chi phí sinh đẻ và nuôi con. Ngược lại, các gia đình sẽ muốn có ít con hơn, thậm chí không muốn có con khi chi phí cho con cái lớn hơn lợi ích thu được (Nguyễn Đức Vinh, 2020). Lý thuyết này đề cập đến giá trị kinh tế của con cái đối với quyết định sinh con và hạnh phúc gia đình. Cha mẹ sẽ hài lòng nếu chi phí sinh con và nuôi con được bù đắp bằng đóng góp của con cái vào thu nhập của gia đình và bảo đảm an sinh cho cha mẹ lúc tuổi già. Ngược lại, mức độ hài lòng của cha mẹ đối với con cái sẽ giảm nếu chi phí nuôi dạy con cái, chi phí cơ hội do cha mẹ sinh con không bù đắp được bởi sức lao động, thu nhập kinh tế và an sinh tuổi già do con cái mang lại.

2.2. Quan điểm về sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các thế hệ

Lý thuyết về giá trị đứa con do Kagitcibasi (1982) đề xuất dựa trên mối quan hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các thế hệ trong đời sống gia đình, bao gồm các khía cạnh tâm lý, xã hội và văn hóa. Cụ thể, các giá trị của con cái mà cha mẹ mong muốn nhận được bao gồm: (1) Con cái làm hài lòng cha mẹ thông qua đóng góp sức lao động, tăng thu nhập gia đình và bảo hiểm cha mẹ lúc tuổi già. Điều này đặc biệt cần thiết đối với các gia đình ở khu vực nông thôn, nơi còn nhiều hộ nghèo, hoạt động sản xuất còn sử dụng nhiều lao động chân tay và chế độ phúc lợi, bảo hiểm xã hội còn hạn chế; (2) Con cái góp phần nâng cao vị thế, không gian giao tiếp, hòa nhập xã

hội cho cha mẹ. Sinh con tạo thêm mối quan hệ họ hàng và củng cố thêm các quan hệ hiện tại cả bên nhà vợ và nhà chồng, khẳng định mối quan hệ cộng đồng. Con cái là biểu tượng, phương tiện để cha mẹ được công nhận theo nhiều cách. Con cái cũng giúp khẳng định mức độ thành công của hôn nhân, củng cố vị thế của người phụ nữ trong gia đình; (3) Con cái là nguồn cảm xúc, làm phong phú ý nghĩa cuộc sống cha mẹ, gắn kết cha mẹ - con cái về huyết thống, gắn kết các thế hệ cả bên trong và bên ngoài.

2.3. Quan điểm chia thành các nhóm giá trị

Quan điểm chia giá trị con cái thành 2 nhóm: i) Các giá trị liên quan đến việc củng cố sự bền vững của hôn nhân, thỏa mãn nhu cầu tâm lý tình cảm của cha mẹ, được gọi là giá trị bên trong; ii) Các giá trị mang tính phương tiện của hôn nhân như kinh tế, lao động..., được gọi là giá trị bên ngoài (Vũ Tuấn Huy, 2004). Trong công trình *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam* của Lê Ngọc Văn (2012: 192) đã chia giá trị con cái thành bốn nhóm: i) Giá trị tâm lý - tình cảm: con cái là nhân tố tiên quyết bảo đảm sự bền vững của hôn nhân, niềm vui và hạnh phúc của gia đình; ii) Giá trị lao động/kinh tế: con cái là lực lượng lao động của đơn vị sản xuất là hộ gia đình; iii) Giá trị an sinh: con cái là nhân tố bảo đảm an sinh cho gia đình và cuộc sống của cha mẹ khi về già; iv) Giá trị tâm linh: con cái là người tiếp nối tổ tiên, kế tục dòng dõi. Tác giả cũng cho rằng, xã hội đã có nhiều thay đổi nhưng giá trị truyền thống vẫn tiếp tục được duy trì trong gia đình hiện đại.

Trong một tập hợp các nghiên cứu mới của Viện Gia đình và Giới có đưa ra những quan niệm về giá trị của con cái trong gia đình như: con cái có tầm quan trọng trong việc gắn kết hôn nhân; quan niệm về không sinh con được chấp nhận; quan niệm con cái là phần thưởng hơn là chi phí cơ hội; quan niệm gia đình mong muốn có con nhưng không nhiều con; nhân tố hiện đại hóa đang làm thay đổi dần cách nhìn nhận về con cái; quan điểm và thực tế số con của gia đình phù hợp nhau; giới tính con cái cân bằng và giảm dần sự ưa thích con trai; giá trị của con cái chuyển dịch từ giá trị kinh tế sang giá trị tâm lý tình cảm; và quan niệm về sự khác biệt giữa con trai và con gái trong gia đình (Trần Thị Minh Thi, 2021).

3. KHÁI NIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Khái niệm giá trị con cái

Giá trị con cái là một thuật ngữ phái sinh từ khái niệm giá trị trong hệ thống giá trị hôn nhân và gia đình. Nó được nhìn nhận trên các phương diện xã hội, văn hóa, sinh học thông qua quan niệm, đánh giá của cha mẹ. Theo L.W. Hoffman và M.L. Hoffman (1973), giá trị con cái liên quan đến những chức năng mà con cái có thể đảm nhiệm hoặc những nhu cầu mà con cái có thể đáp ứng cho cha mẹ trong gia đình. Kagitchibasi (1982) cho rằng các giá trị con cái mang lại cho cha mẹ trong gia đình gồm ba loại: giá trị tâm lý, giá trị xã hội và giá trị kinh tế. Giá trị tâm lý là niềm vui, niềm tự hào, hạnh phúc của cha mẹ. Giá trị xã hội là việc có con sẽ được mọi người coi trọng, nhất là khi có con trai. Giá trị kinh tế là những lợi ích con cái mang lại cho

cha mẹ như kiếm tiền đóng góp vào thu nhập gia đình; nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ khi tuổi già.

Kế thừa khái niệm giá trị con cái mà L.W. Hoffman - M.L. Hoffman và Kagitchibasi đề xuất, giá trị con cái đề cập trong bài viết này tiếp tục là những tiêu chí về con cái, mà giá trị của những tiêu chí này có tầm quan trọng và ý nghĩa đối với hạnh phúc gia đình.

3.2. Khái niệm gia đình hạnh phúc

Hạnh phúc là một khái niệm phức hợp và “mờ” (fuzzy), nghĩa là không thể xem xét hạnh phúc từ một mức độ và đưa ra một định nghĩa duy nhất chính xác về hạnh phúc. Tuy nhiên, những thành tựu gần đây, đặc biệt là những thành tựu trong nghiên cứu định lượng về hạnh phúc (Helliwell, 2015; OECD, 2013) đã chứng minh rằng, mặc dù hạnh phúc là một khái niệm mờ, là cảm nhận chủ quan, nhưng nó phản ánh một trạng thái khách quan “rõ ràng” thuộc nội tâm của con người. Chẳng hạn, các nhà khoa học đã phát hiện thấy những mối liên hệ chính xác giữa những cấp độ cảm nhận chủ quan về hạnh phúc với các trạng thái khách quan tương ứng của não bộ (Layard, 2008).

Trong công trình nghiên cứu của các tác giả phương Tây, hạnh phúc thường được giải thích là sự thỏa mãn nhu cầu cá nhân trong bối cảnh xã hội cụ thể, bao gồm các nhu cầu về vật chất, tinh thần, môi trường tự nhiên và xã hội... Hạnh phúc là mức độ một người đánh giá tổng thể về chất lượng cuộc sống hiện tại của mình, hay nói khác đi là mức độ người đó hài lòng về cuộc sống của mình (OECD, 2013). Khái niệm “hài lòng với cuộc sống” (life satisfaction) có

ý nghĩa tương tự và thường được sử dụng như khái niệm “hạnh phúc”.

Căn cứ vào khái niệm “hạnh phúc” được định nghĩa, “gia đình hạnh phúc” phải sinh từ khái niệm “hạnh phúc” được hiểu là mức độ hài lòng của một gia đình về cuộc sống xét trên tổng thể, trong một bối cảnh xã hội cụ thể, vào một thời điểm cụ thể. Giá trị con cái đối với hạnh phúc gia đình trong bài viết này là các giá trị về số con, về sự hiếu thảo của con cái, về sự yêu thương đùm bọc giữa các con, và sự sống chung của con cái với cha mẹ khi về già.

3.3. Phương pháp chọn mẫu khảo sát và đặc điểm nhân khẩu xã hội của mẫu

Nghiên cứu khảo sát 800 hộ gia đình tại 5 quận/huyện của TPHCM trong khuôn khổ đề tài “Xây dựng tiêu chí gia đình hạnh phúc ở TPHCM hiện nay”⁽¹⁾ năm 2020.

Để đảm bảo tính đại diện, khách quan và độ tin cậy cao của mẫu⁽²⁾ nghiên cứu, chúng tôi kết hợp thực hiện nhiều phương pháp chọn mẫu khác nhau trong chọn quận/huyện, xã/phường, tổ dân phố/thôn đến việc chọn hộ gia đình để thực hiện cuộc điều tra khảo sát. Tại mỗi quận/huyện chọn ngẫu nhiên 1 phường/xã. Ước tính tỷ lệ hộ không thể tiếp cận phỏng vấn là 20%. Như vậy, số hộ chọn đưa vào danh sách phỏng vấn tại mỗi xã/phường là:

$800 \text{ hộ} / (1 - 0,2) / 5 \text{ quận}, 1 \text{ phường} = 200 \text{ hộ}$

Để nâng cao tính đại diện và giảm sai số, các quận/huyện được chia thành 5 nhóm. Mỗi nhóm chọn ngẫu nhiên 1 quận/huyện, số quận/huyện được chọn là 5. Mỗi quận/huyện chọn ngẫu nhiên 1

phường/xã, số phường/xã được chọn là 5. Mỗi phường/xã chọn ngẫu nhiên 4 tổ/thôn, sử dụng phương pháp ngẫu nhiên hệ thống để chọn ra 50 hộ. Đơn vị chọn mẫu là hộ gia đình.

Để có kết quả đại diện, chúng tôi sử dụng phương pháp gia quyền theo tỷ lệ

dân số (số hộ) của 5 quận/huyện được chọn. Danh sách mẫu cuối cùng được chọn là 1.000 hộ gia đình. Trong đó, ước tính trừ đi khoảng 200 trường hợp (tương đương 20% không thể tiếp cận hoặc từ chối phỏng vấn), số hộ hoàn thành phỏng vấn là 800 hộ.

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu xã hội của mẫu nghiên cứu

Đơn vị %

		Quận/huyện					Chung
		Quận 7	Quận 9	Quận 5	Phú Nhuận	Nhà Bè	
Khu vực	Đô thị	100,0	100,0	100,0	100,0	0,0	80,0
	Nông thôn	0,0	0,0	0,0	0,0	100,0	20,0
Giới tính	Nam	22,5	34,4	29,4	31,9	46,3	32,9
	Nữ	77,5	65,6	70,6	68,1	53,8	67,1
Tuổi	Dưới 40	26,3	25,0	18,8	15,6	28,7	22,9
	40-49	32,5	21,9	21,3	24,4	26,3	25,3
	50-59	27,5	26,9	28,1	36,3	25,6	28,9
	60+	13,8	26,3	31,9	23,8	19,4	23,0
Hôn nhân	Có vợ/chồng, kết hôn lần đầu	68,8	84,4	80,6	77,5	75,6	77,4
	Có vợ/chồng, tái hôn	3,8	1,9	6,9	1,9	5,6	4,0
	Góa	15,6	6,9	3,1	8,8	12,5	9,4
	Ly hôn/ly thân	8,1	5,6	8,8	10,6	4,4	7,5
	Chung sống không kết hôn	0,6	0,0	0,0	0,0	1,3	0,4
	Chưa từng kết hôn	1,9	1,3	0,0	1,3	0,6	1,0
Tôn giáo	Khác	1,3	0,0	0,6	0,0	0,0	0,4
	Phật giáo	50,6	29,4	36,3	63,7	53,1	46,6
	Thiên Chúa giáo	1,9	16,9	6,3	6,9	1,3	6,6
	Tin Lành	0,0	0,0	0,6	0,6	0,6	0,4
	Cao Đài	0,0	0,0	1,3	0,6	2,5	0,9
	Hòa Hảo	0,0	0,0	0,6	0,0	1,3	0,4
	Không tôn giáo	47,5	53,8	54,4	28,1	41,3	45,0
Dân tộc	Khác (ghi rõ)	0,0	0,0	0,6	0,0	0,0	0,1
	Kinh	100,0	99,4	76,3	96,3	100,0	94,4
	Hoa	0,0	0,0	23,1	2,5	0,0	5,1
	Khmer	0,0	0,6	0,0	1,3	0,0	0,4
	Khác	0,0	0,0	0,6	0,0	0,0	0,1
Học vấn	Mù chữ/không đi học	6,9	0,0	2,5	0,6	3,1	2,6
	Dưới tiểu học	20,6	5,6	10,6	5,0	26,3	13,6
	Dưới trung học cơ sở	26,9	14,4	23,1	20,6	23,8	21,8
	Dưới trung học phổ thông	21,9	21,9	25,6	26,3	23,8	23,9
	Trung học phổ thông	18,8	23,1	18,1	28,7	16,3	21,0
	Trung cấp	0,6	10,6	3,8	1,9	0,6	3,5

	Cao đẳng	0,6	3,8	2,5	1,9	1,3	2,0
	Đại học	2,5	19,4	13,1	13,1	5,0	10,6
	Trên đại học	1,3	1,3	0,6	1,9	0,0	1,0
Nghề nghiệp	Thất nghiệp/không có khả năng lao động	2,5	5,6	6,3	2,5	10,6	5,5
	Công nhân	15,1	3,1	3,8	1,3	17,5	8,1
	Kinh doanh, buôn bán, dịch vụ	28,3	31,3	21,4	34,4	20,6	27,2
	Công chức/viên chức/văn phòng	3,8	15,0	11,9	13,8	5,0	9,9
	Công an/bộ đội	0,0	0,0	0,6	0,6	0,0	0,3
	Hưu trí/nội trợ	22,0	32,5	32,7	15,6	21,3	24,8
	Lao động tự do	22,6	8,1	17,0	27,5	20,0	19,0
	Nghề khác	5,7	4,4	6,3	4,4	5,0	5,1
Tình trạng cư trú	Sống tại TPHCM từ khi sinh ra	59,4	39,4	46,3	64,4	68,8	55,6
	Nhập cư	40,6	60,6	53,8	35,6	31,3	44,4
	N	160	160	160	160	160	800

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài “Xây dựng tiêu chí gia đình hạnh phúc ở TPHCM hiện nay”, tháng 5 năm 2020.

Bộ tiêu chí gia đình hạnh phúc gồm 32 tiêu chí thuộc ba lĩnh vực: i) lĩnh vực đời sống kinh tế vật chất và thể chất; ii) lĩnh vực các mối quan hệ gia đình và xã hội; iii) lĩnh vực đời sống văn hóa tinh thần của gia đình. Bài viết tập trung phân tích các chỉ báo về giá trị của con cái đối với hạnh phúc gia đình trong tương quan với mức sống của các gia đình, với điểm hạnh phúc của gia đình cũng như mức độ hài lòng của gia đình đối với các giá trị của con cái nhằm đảm bảo mang lại hạnh phúc cho gia đình.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

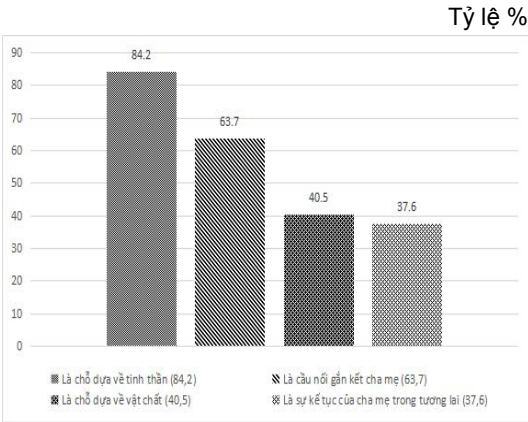
4.1. Tầm quan trọng của con cái

Giá trị con cái trong các nghiên cứu từ trước đến nay về hôn nhân gia đình thường được hiểu là cầu nối gắn kết cha mẹ với nhau, là chỗ dựa về tinh thần, là chỗ dựa về vật chất, là sự kế tục của cha mẹ trong tương lai. Giá trị con cái còn được coi là biến số trung tâm ở cấp độ cá nhân. Tuy nhiên biến số này không phải là biến số bất biến mà biến thiên theo những thay đổi của

xã hội mà đặc biệt là sự thay đổi của văn hóa (Nauck, 2005). Ngày nay xã hội phát triển, nền kinh tế có những thay đổi nhất định làm cho đời sống của các gia đình tốt hơn trước. Lý thuyết dòng chảy của cải có xu hướng phù hợp với xã hội truyền thống, coi trọng và đề cao giá trị kinh tế mà con cái mang lại cho cha mẹ. Tuy nhiên xã hội càng phát triển thì giá trị kinh tế của con cái càng giảm trong khi giá trị tâm lý ngày càng trở nên quan trọng hơn. Nghiên cứu của Kagitchibasi và Atace đã chỉ ra sự suy giảm của giá trị kinh tế mà con cái mang lại cho gia đình không đồng nghĩa với sự suy giảm giá trị tổng thể của con cái (Kagitchibasi and Atace, 2005). Trong nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá gia đình hạnh phúc ở TPHCM, vị trí của giá trị kinh tế mà con cái mang lại cho gia đình cũng có sự thay đổi. Kết quả khảo sát tầm quan trọng của con cái đối với hạnh phúc gia đình thông qua các giá trị cho thấy giá trị tinh thần mà con cái mang đến cho cha mẹ có tỷ lệ lựa chọn cao nhất với 84,2%. Trong khi đó giá trị về

vật chất xếp thứ 3 thay vì ở vị trí quan trọng như vốn có (Biểu đồ 1).

Biểu đồ 1. Tầm quan trọng của con cái đối với hạnh phúc gia đình



Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài “Xây dựng tiêu chí gia đình hạnh phúc ở TPHCM hiện nay”, tháng 5 năm 2020.

Như vậy, sự đồng nhất trong các nghiên cứu quốc tế cũng như ở Việt Nam không chỉ nhấn mạnh tầm quan trọng của con cái đối với cha mẹ và đối với hạnh phúc của gia đình, mà còn chỉ ra xu hướng thay đổi giá trị, đề cao giá trị tinh thần tâm lý tình cảm hơn các giá trị về vật chất. Giá trị về số con, về sự hiếu thảo, sự yêu thương và đùm bọc lẫn nhau giữa các con tiếp tục được phân tích ở phần tiếp theo

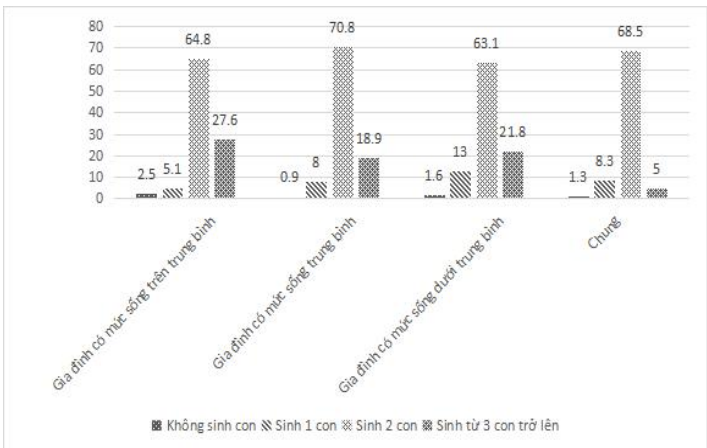
4.2. Giá trị về số con

Kết quả khảo sát đã chỉ ra kinh tế là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hạnh phúc của gia đình. Trong ba lĩnh vực của bộ tiêu chí gia đình hạnh phúc: i) lĩnh vực đời sống kinh tế vật chất và thể chất; ii) lĩnh vực các mối quan hệ gia đình và

xã hội; iii) lĩnh vực đời sống văn hóa tinh thần của gia đình, thì lĩnh vực kinh tế đạt điểm hài lòng thấp nhất. Kết quả khảo sát cũng xác định giá trị về số con là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá mức độ hạnh phúc của gia đình. Vậy liệu mức sống có liên quan như thế nào đến số con của mỗi gia đình? Đây là cơ sở để chúng tôi tiếp tục xem xét giá trị về số con đối với hạnh phúc gia đình bằng cách phân tích tương quan giữa số con mong muốn với tình trạng mức sống của hộ gia đình.

Mặc dù các gia đình ở những mức sống khác nhau nhưng phần lớn đều muốn sinh 2 con với tỷ lệ chung là 68,5% (Biểu đồ 2). Điểm đáng chú ý là tỷ lệ gia đình muốn sinh từ 3 con trở lên chiếm hơn 1/5 mẫu khảo sát với 20,9%. Như vậy là mô hình gia đình 2 con vẫn là mô hình mà nhiều gia đình mong muốn, phù hợp với chính sách dân số của Đảng và Nhà nước trong suốt những năm qua. Phân tích cũng cho thấy số gia đình muốn sinh 1 con có tỷ lệ nghịch với mức sống, cụ thể gia đình có mức

Biểu đồ 2. Số con mong muốn của các gia đình



Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài “Xây dựng tiêu chí gia đình hạnh phúc ở TPHCM hiện nay”, tháng 5 năm 2020.

sống càng cao thì tỷ lệ muốn sinh 1 con càng thấp (mức sống dưới trung bình 13%; mức sống trung bình 8%; mức sống trên trung bình 5,1%). Điều này có thể hiểu rằng khi mức sống càng tăng thì xu hướng tận hưởng cuộc sống với các giá trị về đời sống tinh thần càng ngày càng được các gia đình chú trọng hơn thay vì tập trung vào việc sinh con. Kết quả từ khảo sát định tính cho thấy rõ hơn:

“Thực ra nếu nói đúng trong tâm thì việc có nhiều con sẽ làm mình hạnh phúc hơn, con cháu đủ đầy và có cuộc sống tốt thì ai cũng mong muốn. Nhưng kinh tế thì cũng có giới hạn của nó nên mình chấp nhận có ít con để tận hưởng cuộc sống thay vì lại vất vả việc sinh nở và nuôi nấng” (PVS, nữ 42 tuổi, kinh doanh, mức sống trên trung bình).

TPHCM là địa phương có mức sinh thấp nhất cả nước. Số con của một phụ nữ tại Thành phố thấp hơn mức trung bình của cả nước và vùng Đông Nam Bộ, đặc biệt mức chênh lệch với cả nước là rất lớn. Cả nước có mức sinh trung bình là 2,09, trong khi tại TPHCM chỉ là 1,39 (Tổng cục Thống kê, 2019). Số con mong muốn nhằm đảm bảo hạnh phúc gia đình như phân tích ở trên cao hơn số con thực tế mà các gia đình hiện có. Như vậy là vẫn còn khoảng trống giữa số con thực tế và số con mong muốn. Và có thể khẳng định, hạnh phúc gia đình thực sự viên mãn khi khoảng trống này được lấp đầy.

4.3. Giá trị về sự sống chung của con cái với cha mẹ khi về già

Trong bối cảnh xã hội phát triển và có nhiều thay đổi, các giá trị cá nhân được đề cao, con cái cũng có xu hướng muốn

tách ra ở riêng khi trưởng thành thay vì sống cùng cha mẹ trong đời sống truyền thống. Tuy nhiên khi phân tích hệ số tương quan của chỉ báo con cái sống chung với cha mẹ già với điểm số hạnh phúc trong cùng lĩnh vực cho kết quả khác với thực tế chúng ta thấy (Bảng 2). Hệ số tương quan hạng Spearman (Spearman rank-order correlation coefficient) dùng để đo lường mối liên kết giữa hai biến trên thang đo thứ tự/xếp hạng. Hệ số tương quan có giá trị tuyệt đối càng lớn thì mối tương quan càng mạnh.

Bảng 2. Hệ số tương quan (Spearman) với điểm hạnh phúc của lĩnh vực đời sống tinh thần

Các giá trị/Chỉ báo	Hệ số tương quan*
Con cái sống chung với cha mẹ già	-0.251
Việc sum họp, đoàn tụ của gia đình	-0.233
Thời gian nghỉ ngơi, thư giãn	-0.233
Việc học hành và sự hiểu biết của các thành viên gia đình	-0.218
Về mồ mả/ nơi yên nghỉ của ông bà, tổ tiên	-0.205

* Hệ số tương quan âm (-) do thang đo nghịch
 Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài “Xây dựng tiêu chí gia đình hạnh phúc ở TPHCM hiện nay”, tháng 5 năm 2020.

Điểm hạnh phúc trong lĩnh vực này là 7,56. Kết quả phân tích tương quan (Spearman) với điểm hạnh phúc cho thấy chỉ báo con cái sống chung với cha mẹ già có giá trị tuyệt đối cao nhất, có mối tương quan mạnh nhất với điểm hạnh phúc, tiệm cận nhất với điểm hạnh phúc. Như vậy có thể khẳng định nhằm đảm bảo hạnh phúc gia đình, nhất là đối với những gia đình có bố mẹ già thì con cái sống cùng là một giá trị quan trọng mà các gia đình luôn mong muốn.

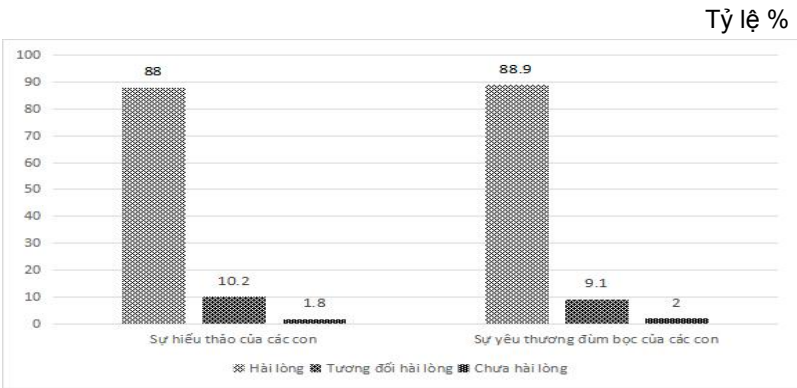
4.4. Giá trị về sự hiểu thảo, sự yêu thương đùm bọc nhau của các con

Sự hiểu thảo của con cái với cha mẹ và các thành viên trong gia đình và sự đùm bọc yêu thương lẫn nhau giữa các con là những giá trị thuộc lĩnh vực các mối quan hệ gia đình và xã hội. Đây là những giá trị cốt lõi bên trong gia đình, những giá trị này nhận được sự hài lòng với tỷ lệ lựa chọn khá cao: 88% gia đình hài lòng với sự hiểu thảo của con cái trong gia đình, 88,9% hài lòng với sự yêu thương và đùm bọc lẫn nhau của

các con (Biểu đồ 3). Khi các giá trị cốt lõi bên trong nhận được sự hài lòng cao có nghĩa là các mối quan hệ bên trong gia đình chắc chắn bền chặt, sẽ là tiền đề tốt có tính bền vững đối với hạnh phúc gia đình.

Nghiên cứu về hạnh phúc gia đình không chỉ nghiên cứu các yếu tố mang đến hạnh phúc cho gia đình, mà cần nghiên cứu cả những yếu tố làm cho gia đình không hạnh phúc hoặc hạnh phúc bị giảm sút. Từ đó giúp chúng ta nhận diện các giá trị có ý nghĩa với đời sống

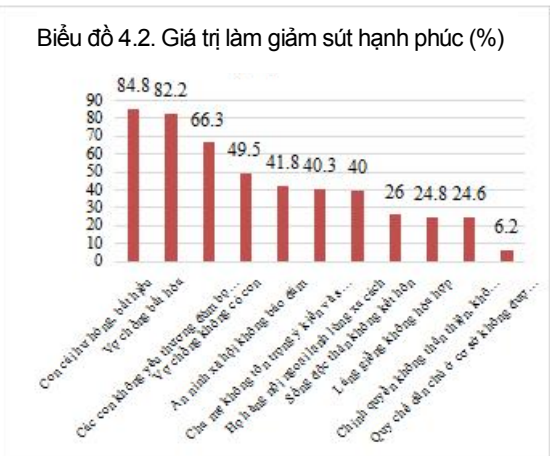
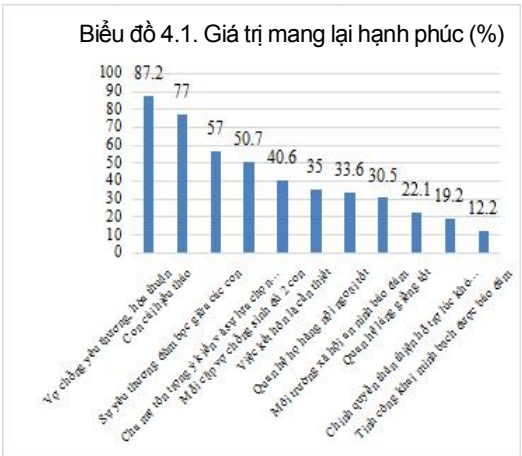
Biểu đồ 3. Mức độ hài lòng của các gia đình đối với giá trị sự hiểu thảo và yêu thương đùm bọc nhau của các con



Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài.

gia đình. Việc nhận diện này giúp các gia đình chủ động thúc đẩy các giá trị tích cực trong cuộc sống và hạn chế các giá trị tiêu cực ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Biểu đồ 4 là kết quả khảo sát của đề tài về các yếu tố mang lại hạnh phúc và

Biểu đồ 4. Các yếu tố mang lại hạnh phúc và làm giảm sút hạnh phúc (Đơn vị: %)



Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài “Xây dựng tiêu chí gia đình hạnh phúc ở TPHCM hiện nay”, tháng 5 năm 2020.

các yếu tố làm giảm sút hạnh phúc gia đình. Chúng tôi giữ nguyên giá trị sự hiểu thảo của con cái, sự yêu thương và đùm bọc giữa các con ở Biểu đồ 4.1 và giá trị con cái hư hỏng bất hiếu, các con không yêu thương đùm bọc lẫn nhau trong tương quan với các giá trị khác thuộc lĩnh vực các mối quan hệ gia đình và xã hội, giúp chúng ta nhận diện rõ hơn vị trí và tầm quan trọng của giá trị này đối với hạnh phúc gia đình.

Phân tích số liệu ở bảng trên cho thấy rõ giá trị về sự hiểu thảo của con cái được các gia đình đề cao với 77% lựa chọn và xếp thứ 2, đứng sau giá trị vợ chồng yêu thương hòa thuận (87,2%). Tương tự như vậy, giá trị con cái hư hỏng bất hiếu chiếm tỷ lệ cao nhất với 84,8% gia đình đồng ý và lựa chọn là giá trị mang lại đau khổ và bất hạnh đối với hạnh phúc gia đình. Giá trị sự yêu thương đùm bọc giữa các con và giá trị đối nghịch các con không yêu thương đùm bọc lẫn nhau đều xếp thứ 3 trong tương quan với các giá trị khác. Như vậy, kết quả phân tích ở đây cho thấy rõ giá trị của sự hiểu thảo của con cái và sự yêu thương đùm bọc lẫn nhau được các gia đình khẳng định là có tầm quan trọng lớn đối với hạnh phúc gia đình.

Để có thêm cơ sở cho việc phân tích và nhấn mạnh ý nghĩa của giá trị con cái đối với hạnh phúc gia đình, chúng tôi tiến hành phân tích hệ số tương quan Spearman giữa điểm số hạnh phúc với từng giá trị. Điểm số hạnh phúc trong lĩnh vực các mối quan hệ gia đình và xã hội là 7,66. Kết quả phân tích cho thấy, các hệ số tương quan đều có ý nghĩa thống kê $p < 0.01$, trong đó hệ số tương quan của sự hiểu thảo của các con và

sự yêu thương đùm bọc lẫn nhau giữa các con có giá trị tuyệt đối cao nhất, được mô tả cụ thể ở bảng sau:

Bảng 3. Hệ số tương quan (Spearman) với điểm hạnh phúc của lĩnh vực các mối quan hệ trong gia đình

Các giá trị/Chỉ báo	Hệ số tương quan*
Sự yêu thương, đùm bọc giữa các con	-0.352
Sự hiểu thảo của các con	-0.294
Mối quan hệ cha mẹ và con cái	-0.281
Sự hòa thuận giữa vợ và chồng	-0.274
Quan hệ với hàng xóm láng giềng	-0.247

* Hệ số tương quan âm (-) do thang đo nghịch

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài “Xây dựng tiêu chí gia đình hạnh phúc ở TPHCM hiện nay”, tháng 5 năm 2020.

Giá trị về sự yêu thương đùm bọc giữa các con và sự hiểu thảo của các con là hai giá trị nhận được sự hài lòng cao nhất (88% và 88,9%) trong tập hợp các chỉ báo thuộc lĩnh vực các mối quan hệ gia đình và xã hội. Hai giá trị này tiếp tục có hệ số tương quan mạnh nhất trong tập hợp các giá trị tạo nên hạnh phúc gia đình trong cùng lĩnh vực (-0.352 và -0.294). Các giá trị này đều thuộc quan hệ cốt lõi bên trong gia đình, là các giá trị được xác định quan trọng và có tính quyết định đối với hạnh phúc gia đình.

5. KẾT LUẬN

Hạnh phúc gia đình được thể hiện trên ba lĩnh vực: lĩnh vực kinh tế, vật chất và thể chất; lĩnh vực các mối quan hệ gia đình và xã hội; lĩnh vực đời sống văn hóa tinh thần của gia đình. Trong đó các giá trị về con cái ở mỗi lĩnh vực là những thành tố quan trọng trong cấu trúc hạnh phúc gia đình của người Việt.

Các giá trị về số con, về sự hiếu thảo, về sự yêu thương và đùm bọc lẫn nhau, về sự sống chung của con cái với cha mẹ khi về già trong các phân tích ở trên đều khẳng định vị trí quan trọng trong tương quan với các giá trị khác nhằm tạo nên hạnh phúc gia đình. Thậm chí có thể khẳng định con cái có giá trị bất biến đối với hôn nhân của vợ chồng và với hạnh phúc của gia đình.

Mục tiêu của Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 là xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh

của xã hội. Các giá trị về con cái thuộc mối quan hệ bên trong như phân tích ở trên đã khẳng định tầm quan trọng cũng như nền tảng bên trong của các gia đình ở TPHCM là khá chặt chẽ, sẽ tạo đà tốt để các gia đình thúc đẩy các giá trị đảm bảo hạnh phúc gia đình. Điều này một lần nữa khẳng định, hạnh phúc là giá trị cốt lõi của cuộc sống và là mục tiêu vươn tới của cá nhân, gia đình và toàn xã hội. Nghiên cứu hạnh phúc là một kênh thông tin quan trọng cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho các nhà hoạch định chính sách ở cấp quốc gia và các địa phương. □

CHÚ THÍCH

(¹) Đây là sản phẩm của Đề tài cơ sở 2022 “Các giá trị của con cái trong gia đình ở TPHCM” do TS. Nguyễn Như Trang làm chủ nhiệm.

(¹) Lê Ngọc Văn chủ nhiệm, Viện Xã hội học chủ trì, và phối hợp với Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ điều tra khảo sát 800 hộ gia đình tại 5 quận/huyện của TPHCM năm 2020.

(²) Công thức tính cỡ mẫu khi ước lượng tỷ lệ (%) với phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản là:

$$n = \frac{\varepsilon^2 \times p \times (1 - p) + r^2}{r^2 + \varepsilon^2 \times p \times (1 - p) / N}$$

Trong đó: ε : giá trị phân bố chuẩn ứng với độ tin cậy; N: cỡ tổng thể; p: tỷ lệ cần ước lượng; r: sai số (khoảng tin cậy = $p \pm r$). Khi N rất lớn, $0,1 < p < 0,9$ và độ tin cậy là 95%, công thức trên có thể được rút gọn thành:

$$n = \frac{1,96^2 \times p \times (1 - p)}{r^2} < \frac{1,96^2 \times 0,25}{r^2} \approx \frac{0,96}{r^2}$$

Với mẫu khảo sát đa giai đoạn, được thiết kế với độ tin cậy 95%, sai số $r = 0,5\%$ và hiệu quả thiết kế ước lượng là $deff = 2,0$ thì cỡ mẫu là:

$$n = \frac{0,96}{r^2} \times deff = \frac{0,96}{0,05 \times 0,05} \times 2,0 \approx 800$$

Tại mỗi quận/huyện chọn ngẫu nhiên 1 phường/xã. Ước tính tỷ lệ hộ không thể tiếp cận phỏng vấn là 20%. Như vậy, số hộ chọn đưa vào danh sách phỏng vấn tại mỗi xã/phường là: 800 hộ / $(1 - 0,2) / 5$ quận, 1 phường = 200 hộ.

Để nâng cao tính đại diện và giảm sai số chọn mẫu, các quận/huyện của TPHCM được chia thành 5 nhóm có những đặc điểm khá tương đồng. Mỗi nhóm chọn ngẫu nhiên 1 quận/huyện, số quận/huyện được chọn là 5. Tại mỗi quận/huyện lập danh sách tất cả các phường/xã và chọn ngẫu nhiên 1 phường/xã, số phường/xã được chọn là 5. Lập danh sách và ước lượng tất cả các tổ/thôn trong mỗi phường/xã đã chọn, chọn ngẫu nhiên 4 tổ/thôn từ mỗi phường/ xã bằng phương pháp PPS (xác suất được chọn tỷ lệ với số hộ trong tổ/thôn). Lập danh sách toàn bộ các

hộ thường xuyên cư trú tại tổ/thôn, sử dụng phương pháp ngẫu nhiên hệ thống để chọn ra 50 hộ. Đơn vị chọn mẫu là hộ gia đình. Tỷ lệ (hay xác suất) chọn mẫu tại mỗi quận/huyện là:

$$k = \frac{2 \times H_i}{H} \times \frac{2 \times h_j}{H_i} \times \frac{50}{h_j} = \frac{200}{H}$$

Trong đó: H là tổng số hộ trong quận/huyện; H_i là tổng số hộ trong xã/phường i; h_j là tổng số hộ trong tổ/thôn j.

Để có kết quả đại diện, chúng tôi sử dụng phương pháp gia quyền theo tỷ lệ dân số (số hộ) của 5 quận/huyện được chọn. Danh sách mẫu cuối cùng được chọn là 1000 hộ gia đình. Trong đó ước tính trừ đi khoảng 200 trường hợp (tương đương 20% không thể tiếp cận hoặc từ chối phỏng vấn), số hộ hoàn thành phỏng vấn là 800 hộ.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Chấp hành Đảng bộ TPHCM. 2020. *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ TPHCM tại Đại hội đại biểu Đảng bộ TPHCM lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025*. <https://www.hcm-cpv.org.vn/tu-lieu/van-kien-dai-hoi-dai-bieu-dang-bo-tphcm-lan-thu-xi/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-dang-bo-thanh-pho-khoa-x-tai-dai-hoi-dai-bieu-dang-bo-thanh-pho-1491378870>, truy cập ngày 20/9/2022.
2. Caldwell, J. 1976. "Toward a Restatement of Demographic Transition Theory". *Population and Development Review*, 2 (3/4), p. 312.
3. Caldwell, J. 2006. *Demographic Transition Theory*. Springer.
4. Helliwell, John F. 2015. *World Happiness Report 2015*.
5. Hoffman Lois Wladis, Arland Thornton and Jean Denby Manis. 1978. The Value of Children to Parents in the United States. *Journal of Population*. Vol. 1, No. 2, pp. 91-131. Published By: Springer.
6. Kagitchibasi and Atace. 2005. "Value of Children, Family Change, and Implications for the Care of the Elderly". *Cross-Cultural Research*, 49 (4), 374-392.
7. Kagitchibasi, C. 1982. "Old-Age Security Value of Children. Cross-National Socioeconomic Evidence". *Journal of Cross-Cultural Psychology*, 13 (1), pp. 29-42.
8. Layard, Richard. 2008. *Hạnh phúc*. Hà Nội: Nxb. Tri thức.
9. Lê Ngọc Văn. 2012. *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
10. Nauck, B. 2005. "Changing Value of Children: An Action Theory of Fertility Behavior and Intergenerational Relationships in Cross-Cultural Comparison". In W. Friedlmeier, P. Chakkarath, & B. Schwarz (Eds.). *Culture and Human Development*. The Importance of Cross-Cultural Research for the Social Sciences (pp. 183-202). Hove, UK: Psychology Press.
11. Nguyễn Đức Vinh. 2020. *Các yếu tố xã hội nhằm duy trì mức sinh thay thế ở Việt Nam*. Báo cáo tổng hợp đề tài cấp bộ. Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
12. OECD. 2013. *OECD Guidelines on Measuring Subjective Well-being*. Paris: OECD Publishing.
13. Tổng cục Thống kê. 2019. *Điều tra mức sống dân cư*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
14. Trần Thị Minh Thi (chủ biên). 2021. *Những giá trị cơ bản của gia đình Việt Nam đương đại*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
15. Vũ Tuấn Huy (chủ biên). 2004. *Xu hướng gia đình ngày nay*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội, tr. 123-133.